

Số: 2577 /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 06 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế và bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định của Chính phủ số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia; Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15/9/2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1095/QĐ-BXD ngày 30/6/2026 của Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực vật liệu xây dựng; Quyết định số 1139/QĐ-BXD ngày 01/7/2026 của Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng; Quyết định số 1092/QĐ-BXD ngày 30/6/2026 của Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế, bị bãi bỏ trong lĩnh

vực quản lý chất lượng công trình xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại các Tờ trình: số 231/TTr-SXD và số 234/TTr-SXD ngày 03/7/2026

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế và bị bãi bỏ trong các lĩnh vực: Vật liệu xây dựng, đường bộ và Quản lý chất lượng công trình xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng, cụ thể như sau:

1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung và thay thế: 09 thủ tục hành chính. Nội dung thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định số 1095/QĐ-BXD ngày 30/6/2026 của Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính ban hành mới trong lĩnh vực vật liệu xây dựng; Quyết định số 1139/QĐ-BXD ngày 01/7/2026 của Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng; Quyết định số 1092/QĐ-BXD ngày 30/6/2026 của Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế, bị bãi bỏ trong lĩnh vực quản lý chất lượng công trình xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng (*Chi tiết, tại Phụ lục I đính kèm*).

2. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ: 01 thủ tục hành chính (*Chi tiết, tại Phụ lục II đính kèm*).

Điều 2. Trách nhiệm thực hiện

1. Sở Xây dựng có trách nhiệm thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp nội dung thủ tục hành chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố, Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường, đặc khu để niêm yết công khai, hướng dẫn, tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính bảo đảm đúng quy định.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu có trách nhiệm niêm yết công khai thủ tục hành chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công đảm bảo đầy đủ, đúng quy định

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND thành phố, Giám đốc Sở Xây dựng; Chủ tịch UBND các xã, phường, đặc khu; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC - BTP;
- CT, Các PCT UBND TP;
- Các PCVP UBND TP;
- Các phòng, đơn vị: TTPVHCCTP, XD&CT;
- Công TTĐTTP;
- Lưu: VT, N.T.An.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hoàng Minh Cường

Phụ lục I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỖI BAN HÀNH
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ XÂY DỰNG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH
A1. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỖI BAN HÀNH

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí	Căn cứ pháp lý
LĨNH VỰC VẬT LIỆU XÂY DỰNG						
1		Kiểm tra chất lượng hàng hóa vật liệu xây dựng nhập khẩu có mức độ rủi ro cao	01 (một) ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Không quy định	- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá số 05/2007/QH12 ngày 21/11/2007;- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá số 78/2025/QH15 ngày 18/6/2025; - Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23/01/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; - Thông tư số 04/2023/TT-BXD ngày 30/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN16:2023/BXD; - Thông tư số 41/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng.

A2. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau khi cắt giảm			
I	LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ						
1	1.013276	Chấp thuận bổ sung nút giao đầu nối vào đường cao tốc	- Trường hợp không phải lấy ý kiến: 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đúng quy định. - Trường hợp phải lấy ý kiến: + Thời hạn tiến hành lấy ý kiến: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ thành phần hồ sơ; + Thời hạn cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến trả lời: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của cơ quan có thẩm quyền.	- Trường hợp không phải lấy ý kiến: 2,5 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đúng quy định. - Trường hợp phải lấy ý kiến: + Thời hạn tiến hành lấy ý kiến: 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ thành phần hồ sơ; + Thời hạn cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến trả lời: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được + Thời hạn có văn bản chấp	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Không quy định	- Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ (được sửa đổi bổ sung tại Nghị định 241/2026/NĐ-CP ngày 26/6/2026); - <i>Nghị định số 241/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.</i>

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau khi cắt giảm			
			+ Thời hạn có văn bản chấp thuận: 07 ngày sau khi nhận được ý kiến của các cơ quan	thuận: 3,5 ngày sau khi nhận được ý kiến của các cơ quan			
2	1.013277	Chấp thuận đầu nối đối với trường hợp kết nối với đường bộ không có trong các quy hoạch	- Trường hợp không phải lấy ý kiến: 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đúng quy định. - Trường hợp phải lấy ý kiến: + Thời hạn tiến hành lấy ý kiến: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ thành phần hồ sơ; + Thời hạn cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến trả lời: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của cơ	- Trường hợp không phải lấy ý kiến: 2,5 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đúng quy định. - Trường hợp phải lấy ý kiến: + Thời hạn tiến hành lấy ý kiến: 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ thành phần hồ sơ; + Thời hạn cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến trả lời: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Không có	- Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ (được sửa đổi bổ sung tại Nghị định 241/2026/NĐ-CP ngày 26/6/2026); - <i>Nghị định số 241/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.</i>

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau khi cắt giảm			
			quan có thẩm quyền. + Thời hạn có văn bản chấp thuận: 07 ngày sau khi nhận được ý kiến của các cơ quan	đề nghị của cơ quan có thẩm quyền. + Thời hạn có văn bản chấp thuận: 3,5 ngày sau khi nhận được ý kiến của các cơ quan			
3	1.002798	Phê duyệt phương án tổ chức giao thông trước khi đưa đường cao tốc vào khai thác; Phê duyệt điều chỉnh bổ sung phương án tổ chức giao thông đường cao tốc trong thời gian khai thác	12 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	06 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Không có	- Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ (được sửa đổi bổ sung tại Nghị định 241/2026/NĐ-CP ngày 26/6/2026); - Nghị định số 241/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

A3. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH ĐƯỢC THAY THẾ

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Thời gian giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian thực hiện cắt giảm so với quy định			
QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG								
1	1.009791	Cho ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng của công trình hết thời hạn sử dụng theo thiết kế nhưng có nhu cầu sử dụng tiếp (trừ trường hợp nhà ở riêng lẻ)	Cho ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng của công trình hết thời hạn sử dụng theo thiết kế nhưng có nhu cầu sử dụng tiếp (trừ trường hợp nhà ở riêng lẻ)	10 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo của chủ sở hữu hoặc chủ quản lý, sử dụng công trình	07 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo của chủ sở hữu hoặc chủ quản lý, sử dụng công trình	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Không quy định	- Luật Xây dựng số 135/2025/QH15; - Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH DÙNG CHUNG**B1. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG DÙNG CHUNG: SỞ XÂY DỰNG, UBND CẤP XÃ.**

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau khi cắt giảm			
LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ							
1	2.001921	Chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước, phương án tổ chức thi công biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị; chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; chấp thuận gia cường công trình đường bộ khi cần thiết để cho phép xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích lưu hành trên đường	05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	2,5 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Không quy định	- Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ (được sửa đổi bổ sung tại Nghị định 241/2026/NĐ-CP ngày 26/6/2026); - Nghị định số 241/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau khi cắt giảm			
		bộ					
2	1.013274	Cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác	01 ngày đối với đám tang, không quá 03 ngày làm việc đối với các trường hợp khác kể từ khi tiếp nhận hồ sơ	0,5 ngày đối với đám tang, không quá 1,5 ngày làm việc đối với các trường hợp khác kể từ khi tiếp nhận hồ sơ	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Không quy định	- Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ (được sửa đổi bổ sung tại Nghị định 241/2026/NĐ-CP ngày 26/6/2026); - Nghị định số 241/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.
3	1.000314	Chấp thuận vị trí nút giao đầu nối tạm vào đường bộ đang khai thác	05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	2,5 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Không quy định	- Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ (được sửa đổi bổ sung tại Nghị định 241/2026/NĐ-CP ngày 26/6/2026); - Nghị định số 241/2026/NĐ-CP

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau khi cắt giảm			
							ngày 26 tháng 6 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

B2. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THẾ DÙNG CHUNG: SỞ XÂY DỰNG; SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG; SỞ CÔNG THƯƠNG; BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ.

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Thời gian giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				Theo quy định	Sau khi cắt giảm			
QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG								
1	1.009794	Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình của cơ quan chuyên môn về xây dựng tại địa phương	Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình của cơ quan chuyên môn về xây dựng tại địa phương	- Thời hạn 16 ngày làm việc đối với công trình cấp I, cấp đặc biệt và 12 ngày làm việc đối với công trình còn lại kể từ khi nhận được hồ sơ đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu, cơ quan chuyên môn về xây dựng ra thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng	- Thời hạn 10 ngày làm việc đối với công trình cấp I, cấp đặc biệt và 08 ngày làm việc đối với công trình còn lại kể từ khi nhận được hồ sơ đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu, cơ quan chuyên môn về xây dựng ra thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Không có	- Luật Xây dựng số 135/2025/QH15; - Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

Phụ lục II
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ XÂY DỰNG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Tên VB QPPL quy định nội dung thủ tục hành chính đã được bãi bỏ
LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH			
11	1.009788	Cho ý kiến về kết quả đánh giá an toàn công trình đối với công trình xây dựng nằm trên địa bàn tỉnh	Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng